

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH: TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

MÃ NGÀNH: 8340201

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 445/QĐ-NTT ngày 01 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Tên ngành đào tạo

+ Tên tiếng Anh: Finance and Banking

+ Tên tiếng Việt: Tài chính Ngân hàng

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ – Bậc 7

Định hướng đào tạo: ☐ Nghiên cứu ☒ Ứng dụng

Khóa học áp dụng: 2022

Thời gian đào tạo: 02 năm

Tổng số tín chỉ: 60 tín chỉ

Tên văn bằng tốt nghiệp: Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng

Đơn vị đào tạo:

+ Khoa Tài chính Kế toán

+ Địa chỉ văn phòng: Địa chỉ văn phòng: Phòng L.101, Lầu 1, 331 Quốc lộ 1A,
Phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

+ Điện thoại liên lạc: 19002039 (Nội bộ: 412)

2. Các tiêu chí tuyển sinh và chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

Yêu cầu đối với người dự tuyển:

Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo thạc sĩ: Người học phải tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu, người học phải tốt nghiệp đại học hạng khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập.

3. Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo (viết tắt là: PLOs)

Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng

Sau khi hoàn tất chương trình, học viên tốt nghiệp có thể:		
Kiến thức		
PLO1	Áp dụng kiến thức Toán, khoa học xã hội, lý luận chính trị, pháp luật, sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào lĩnh vực tài chính ngân hàng.	1.1 Áp dụng kiến thức toán, khoa học xã hội nhằm phân tích nhu cầu xã hội, xây dựng quan hệ với các bên liên quan, giải quyết các vấn đề của ngành TCNH 1.2 Vận dụng kiến thức pháp luật, chính trị, kinh tế, tài chính vào ngành TCNH để xác định các định hướng phục vụ đất nước, phát triển kinh tế xã hội 1.3 Vận dụng sự hiểu biết về các vấn đề chính trị, kinh tế, tài chính, tiền tệ đương đại trên khía cạnh thực nghiệm, lý thuyết và các nghiên cứu khoa học để xác định các xu hướng tương lai của ngành TCNH
PLO2	Đánh giá khả năng tài chính, hiệu quả đầu tư, lợi ích chi phí của các bên liên quan phục vụ cho việc ra quyết định đầu tư.	2.1 Thu thập thông tin các hoạt động kinh tế, chính sách tài khóa, tiền tệ, của Việt Nam; và thu thập thông tin kế toán, tài chính của các bên liên quan. 2.2 Đánh giá về mặt tài chính đối với hoạt động kinh doanh, huy động vốn, và đầu tư của các bên liên quan dựa trên thông tin thu thập thực tế.
PLO3	Phát triển các giải pháp tài chính phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu hóa.	3.1 Dự báo xu hướng phát triển của kinh tế, tài chính, tiền tệ trong xu hướng cách mạng công nghiệp 4.0 3.2 Đề xuất các giải tài chính phù hợp để nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan, ngân hàng, doanh nghiệp.
Kỹ năng		
PLO4	Giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh và tài chính của doanh nghiệp trên cơ sở vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo.	4.1 Chọn lọc thông tin và xác định các vấn đề kinh doanh, tài chính, tiền tệ trong hoạt động của cơ quan, ngân hàng của doanh nghiệp 4.2 Đánh giá các vấn đề thực tiễn và Đưa ra quyết định lựa chọn các giải pháp phù hợp với thực tiễn trong điều kiện giới hạn ngân sách của cơ quan, ngân hàng, doanh nghiệp
PLO5	Quản lý hiệu quả các mối quan hệ trong nhóm, trong	5.1 Giao tiếp hiệu quả các mối quan hệ và ứng xử phù hợp với các bên liên quan trong

	vai trò là một thành viên hay một nhà lãnh đạo để giải quyết các vấn đề nhằm đạt mục tiêu đề ra.	môi trường đa dạng, tôn trọng sự khác biệt đa văn hoá 5.2 Tổ chức và lãnh đạo nhóm làm việc đạt mục tiêu đề ra
PLO6	Phát triển kỹ năng đàm phán, tự chủ và thích ứng với sự thay đổi.	6.1 Sử dụng kỹ năng đàm phán phù hợp với các bên liên quan trong lĩnh vực TCNH 6.2 Tự chủ trong tư duy và linh hoạt trong việc chọn giải pháp phù hợp nhằm thích ứng với mọi sự thay đổi
PLO7	Quản lý thông tin dữ liệu của ngành tài chính ngân hàng bằng công nghệ hiện đại, đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế số và toàn cầu hoá.	7.1 Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin trong thu thập, lưu trữ, truy cập và phân tích dữ liệu của ngành TCNH 7.2 Quản lý thông tin dữ liệu một cách có hiệu quả
PLO8	Thực hiện độc lập các nghiên cứu thuộc lĩnh vực tài chính ngân hàng, trên cơ sở vận dụng các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành.	8.1 Xác định đúng các vấn đề cần nghiên cứu và lên kế hoạch nghiên cứu phù hợp trong lĩnh vực TCNH 8.2 Áp dụng hợp lý các phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực TCNH 8.3 Đưa ra kết luận hợp lý hay đề xuất giải pháp khả thi
<u>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</u>		
PLO9	Tuân thủ pháp luật và các quy định về tài chính, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội.	9.1 Tuân thủ pháp luật và các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực TCNH 9.2 Ý thức bảo vệ môi trường và sự phát triển bền vững cho địa phương và toàn cầu
PLO10	Xây dựng thương hiệu bản thân, đồng thời thể hiện sự khát khao khởi nghiệp và ý thức học tập suốt đời.	10.1 Chủ động xây dựng thương hiệu cho cơ quan, ngân hàng, doanh nghiệp. 10.2 Có quan điểm rõ ràng và ý thức sự quan trọng của việc học tập suốt đời 10.3 Đam mê khởi nghiệp

4. Các điều kiện bảo vệ đề án

- Học viên hoàn thành tất cả các môn học trong chương trình đào tạo.
- Có đơn xin bảo vệ thạc sĩ, đồng thời phải có ý kiến của người hướng dẫn khoa học là luận văn/đề án đạt các yêu cầu và đồng ý cho học viên bảo vệ luận văn.

- Đáp ứng tỷ lệ trùng lặp đạo văn theo quy định của Nhà trường.
- Học viên không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị kỷ luật đình chỉ học tập.
- Không trong thời gian xem xét giải quyết tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn/đề án.
- Hoàn thành việc đóng học phí và kinh phí theo quy định.

5. Các điều kiện tốt nghiệp

- Có trình độ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;
- Bảo vệ luận văn/đề án đạt yêu cầu có điểm đạt từ 5,5 trở lên;
- Đã nộp luận văn/đề án được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên theo đúng thời gian 30 ngày sau khi bảo vệ, có xác nhận của người hướng dẫn và Chủ tịch Hội đồng về việc luận văn/đề án đã được chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của Hội đồng đánh giá luận văn/đề án và nhận xét của các phản biện cho Viện Đào tạo Sau đại học để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại Thư viện và lưu trữ;
- Hoàn thành lệ phí tốt nghiệp theo quy định.

6. Thang điểm

Điểm học phần được chuyển thành điểm chữ và thang điểm 10 cụ thể như sau:

TT	Thang điểm 10	Điểm quy đổi sang điểm chữ	Thang điểm 4	Xếp loại
a) Loại đạt:				
1.	8,5 – 10,0	A	4	Giỏi
2.	7,0 – 8,4	B	3	Khá
3.	5,5 – 6,9	C	2	Trung bình
b) Loại không đạt:				
4.	Dưới 5,5	F	0	Kém

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Mục tiêu chung của Chương trình đào tạo:

Đào tạo những nhà quản lý trong lĩnh vực Tài chính và Ngân hàng phù hợp với xu thế và sự thay đổi của thị trường lao động, có đầy đủ năng lực và phẩm chất đáp ứng sự đổi mới của ngành Tài chính Ngân hàng tại Việt Nam cũng như thế giới.

Mục tiêu cụ thể:

PEO1: Thành công trong việc hoạch định chiến lược, phát triển các tổ chức tài chính, ngân hàng, doanh nghiệp.

PEO2: Học tập để liên tục mở rộng kiến thức, sáng tạo, đáp ứng sự đổi mới của ngành Tài chính Ngân hàng tại Việt Nam và thế giới.

PEO3: Quản lý và phát triển các loại hình kinh doanh và dịch vụ của ngành Tài chính Ngân hàng một cách thành công, đáp ứng các yêu cầu của tổ chức, khách hàng và đối tác trong và ngoài nước bằng tính chuyên nghiệp, trung thực và năng động.

Sự phù hợp của mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra chương trình

Mục tiêu đào tạo (PEOs)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
PEO1	✓	✓	✓	✓		✓			✓	
PEO2	✓	✓	✓	✓			✓	✓		✓
PEO3		✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Nguyên tắc thiết kế chương trình đào tạo

Phân tích năng lực nghề nghiệp của người làm nghề gồm năng lực chung và năng lực chuyên môn;

So sánh đối chiếu đảm bảo tuân thủ với Luật giáo dục đại học, Khung trình độ quốc gia và Thông tư quy định về khối lượng kiến thức của trình độ thạc sĩ (bậc 7).

Tổ chức Hội thảo DACUM để lấy ý kiến các bên liên quan về: các năng lực, công việc cần thực hiện theo từng năng lực; các kỹ năng cần có và các yêu cầu đặc biệt và tiên tiến khác của thời đại. Phân tích và tổng hợp ý kiến và xây dựng các Năng lực của Học viên tốt nghiệp.

Xây dựng Mục tiêu, Chuẩn Đầu ra của Chương trình đào tạo;

Lập ma trận tương quan giữa các yêu cầu năng lực học viên tốt nghiệp, mục tiêu chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình

Thiết kế cấu trúc Chương trình đào tạo, xác định các môn học cần đưa vào chương trình giảng dạy nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra. Đối chiếu, so sánh với các chương trình đào tạo trong nước và quốc tế.

Xây dựng Đề cương chi tiết các học phần dựa trên Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, phương pháp kiểm tra đánh giá, nội dung giảng dạy và lộ trình học tập để học viên đạt được các kết quả học tập mong đợi.

2. Mối liên hệ của các học phần/môn học trong việc hình thành năng lực

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CHỦ YẾU CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên	Số lượng môn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ
Đánh giá chính sách tiền tệ	Tài chính công nâng cao (3TC)	5 môn	14 tín chỉ	23.3%
	Lý thuyết Tài chính tiền tệ nâng cao (2TC)			
	Chính sách thuế (3TC)			
	Tài chính định lượng (3TC)			
	Mô hình tài chính (3TC)			
Cải tiến hoạt động huy động vốn và tín dụng	Rủi ro tín dụng và chính sách cho vay (2TC)	4 môn	11 tín chỉ	18.3%
	Quản trị rủi ro và hiệp ước Basel (3TC)			
	Ngân hàng thương mại hiện đại (3TC)			
	Công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng (3TC)			
Thẩm định tài chính và đầu tư	Mô hình tài chính (3TC)	6 môn	17 tín chỉ	28.3%
	Quản trị và phân tích dự án (3TC)			
	Đầu tư tài chính (3TC)			
	Tài chính phái sinh (2TC)			
	Tài chính định lượng (3TC)			
	Quản trị và phân tích dự án (3TC)			
Quản trị tài chính, tài sản, nguồn vốn và hiệu quả hoạt động ngân hàng	Quản trị tài chính (3TC)	6 môn	18 tín chỉ	30.0%
	Tài chính quốc tế (3TC)			
	Tài chính vi mô (3TC)			
	Tài chính hành vi (3TC)			
	Công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng (3TC)			
	Quản trị và phân tích dự án (3TC)			
Tuân thủ quy định	Luật kinh tế (3TC)	3 môn	9 tín chỉ	15.0%
	Chính sách thuế (3TC)			
	Tài chính công nâng cao (3TC)			
Phát triển nghề nghiệp	Trải nghiệm thực tế (9TC)	2 môn	18 tín chỉ	30.0%
	Đề án tốt nghiệp (9TC)			

3. Tóm tắt các khối lượng kiến thức

Kiến thức toàn khóa học: 60 tín chỉ (*Chọn 1 trong 2 định hướng*)

Hướng ứng dụng:

Kiến thức	Tổng số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
Kiến thức đại cương/Khoa học cơ bản	9	15%
Kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành	33	55%
Thực tập (9 tín chỉ)	9	15%
Đề án (9 tín chỉ)	9	15%
Kiến thức khác (nếu có)		

4. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Tài chính Ngân hàng

Mã số học phần	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
		Tổng số	LT	TH, TN, TL
Kiến thức đại cương/Khoa học cơ bản		9	135	0
073318	Triết học	3	45	0
076219	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	45	0
076218	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính	3	45	0
Phần kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành		33	495	0
Các học phần bắt buộc		21	315	0
076207	Quản trị tài chính	3	45	0
076206	Lý thuyết Tài chính tiền tệ nâng cao	2	30	0
077253	Quản trị ngân hàng hiện đại	3	45	0
077254	Đầu tư tài chính	3	45	0
077255	Các sản phẩm phái sinh	2	30	0

077256	Chính sách thuế	3	45	0
077257	Tài chính công nâng cao	3	45	0
077258	Rủi ro tín dụng và chính sách cho vay	2	30	0
<i>Các học phần lựa chọn (chọn 4 môn)</i>		12	180	0
077259	Tài chính định lượng	3	45	0
077260	Mô hình tài chính	3	45	0
001476	Tài chính quốc tế	3	45	0
077262	Tài chính vi mô	3	45	0
077263	Tài chính hành vi	3	45	0
077264	Phân tích tài chính doanh nghiệp nâng cao	3	45	0
077265	Công nghệ tài chính	3	45	0
077266	Quản trị rủi ro và hiệp ước Basel	3	45	0
077267	Quản trị và phân tích dự án	3	45	0
077268	Luật kinh tế	3	45	0
Trải nghiệm thực tế và Đề án tốt nghiệp		18	0	540
077270	Báo cáo chuyên đề	9	0	270
077269	Đề án tốt nghiệp	9	0	270
Tổng cộng:		60	630	540

5. Phân bổ tiến độ giảng dạy các học phần dự kiến

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số tiết	Phương pháp	Phương pháp
----	-------	--------------	---------	---------	-------------	-------------

				LT	TH	Tự học	giảng dạy	kiểm tra đánh giá
HỌC KỲ 1			17	255	0	595		
1	073318	Triết học	3	45	0	105	Thuyết giảng/ Elearning	Bài thi tự luận
2	076218	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính	3	45	0	105	Thuyết giảng/ Elearning	Bài thi tự luận
3	076219	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	45	0	105	Thuyết giảng/ Elearning	Tiểu luận
4	076206	Lý thuyết Tài chính tiền tệ nâng cao	2	30	0	70	Thuyết giảng/ Elearning	Tiểu luận
5	076207	Quản trị tài chính	3	45	0	105	Thuyết giảng/ Elearning	Tiểu luận
6	077253	Quản trị ngân hàng hiện đại	3	45	0	105	Thuyết giảng/ Elearning	Tiểu luận
HỌC KỲ 2			13	210	0	455		
1	077254	Đầu tư tài chính	3	45	0	105	Thuyết giảng/ Elearning	Tiểu luận
2	077255	Các sản phẩm phái sinh	2	30	0	70	Thuyết giảng/ Elearning	Tiểu luận
3	077256	Chính sách thuế	3	45	0	105	Thuyết giảng/ Elearning	Tiểu luận
4	077257	Tài chính công nâng cao	3	45	0	105	Thuyết giảng/ Elearning	Tiểu luận
5	077258	Rủi ro tín dụng và chính sách cho vay	2	30	0	70	Thuyết giảng/ Elearning	Tiểu luận

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số tiết			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
							Elearning	
HỌC KỲ 3 (Chọn 4 trong 11 học phần)			12	180	0	360		
1	077259	Tài chính định lượng	3	45	0	105	Thuyết giảng/ Elearning	Tiểu luận
2	077260	Mô hình tài chính	3	45	0	105	Thuyết giảng/ Elearning	Tiểu luận
3	001476	Tài chính quốc tế	3	45	0	105	Thuyết giảng/ Elearning	Tiểu luận
4	077262	Tài chính vi mô	3	45	0	105	Thuyết giảng/ Elearning	Tiểu luận
5	077263	Tài chính hành vi	3	45	0	105	Thuyết giảng/ Elearning	Tiểu luận
6	077264	Phân tích tài chính doanh nghiệp nâng cao	3	45	0	105	Thuyết giảng/ Elearning	Tiểu luận
7	077265	Công nghệ tài chính	3	45	0	105	Thuyết giảng/ Elearning	Tiểu luận
8	077266	Quản trị rủi ro và hiệp ước Basel	3	45	0	105	Thuyết giảng/ Elearning	Tiểu luận
9	077267	Quản trị và phân tích dự án	3	45	0	105	Thuyết giảng/ Elearning	Tiểu luận
10	077268	Luật kinh tế	3	45	0	105	Thuyết giảng/ Elearning	Tiểu luận
HỌC KỲ 4			18	0	540	360		

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số tiết			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
1	077269	Đề án tốt nghiệp	9	0	270	180	Trải nghiệm thực tế	Bài luận
2	077270	Báo cáo chuyên đề	9	0	270	180	Trải nghiệm thực tế	Đồ án

6. Sự đóng góp của các học phần cho Chuẩn đầu ra chương trình

(Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra chương trình theo thang IPM)

I (Introduce): Đây là những môn học dạy các kiến thức/kỹ năng để thực hiện các PPCs (Programme Performance Criteria) ở mức độ đơn giản.

P (Practice): Đây là những môn học dạy các kiến thức/kỹ năng để thực hiện các PPCs ở mức độ trung bình.

M (Master): Đây là những môn học dạy các kiến thức/kỹ năng để thực hiện các PPCs ở mức độ thành thạo.

TT	Mã môn học	Tên môn học	Tín chỉ	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra										Tổng
				PLO ₁ (K ₁)	PLO ₂ (K ₂)	PLO ₃ (K ₃)	PLO ₄ (S ₁)	PLO ₅ (S ₂)	PLO ₆ (S ₃)	PLO ₇ (S ₄)	PLO ₈ (S ₅)	PLO ₉ (A ₁)	PLO ₁₀ (A ₂)	
1	073318	Triết học	3	I			I	I				I	I	5
2	076219	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	I	I	I	P	P		I	I	I	I	9
3	076218	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính	3	P			I	P	I			I	I	6
4	076207	Quản trị tài chính	3	P	P	I	P	P		I	I	I		8
5	076206	Lý thuyết Tài chính tiền tệ nâng cao	2	P	I		I	P	I		I	I		7
6	077253	Quản trị ngân hàng hiện đại	3	P	P	I	P	P	I		I	P	I	9
7	077254	Đầu tư tài chính	3		P	P	P	P	P	P		P	P	8
8	077255	Các sản phẩm phái sinh	2	P	P	I	P	P	P	P		P	P	9
9	077256	Chính sách thuế	3	P	P	P	P	P	P	I		P		8
10	077257	Tài chính công nâng cao	3	P	P	P	P		P		P	P		7
11	077258	Rủi ro tín dụng và chính sách cho vay	2		P	P	P	P	P	I	P	P		8
12	077259	Tài chính định hướng	3	M	P	M	P	P		M	M		P	8
13	077260	Mô hình tài chính	3	M	M	P	P	P		P	M	P		8
14	001476	Tài chính quốc tế	3	M	M	P	P	P			P	M	M	8
15	077262	Tài chính vi mô	3	M	M	P	M	P	P	P	P	M		9
16	077263	Tài chính hành vi	3	P	M	P	M		M		P	P	M	8
17	077264	Phân tích tài chính doanh nghiệp nâng cao	3	M	M	P	P	P		P	P	P		8
18	077265	Công nghệ tài chính	3	P	M	M	P	P		M	P	P	M	9
19	077266	Quản trị rủi ro và hiệp ước Basel	3		M	M	M	M	P	P		M		7
20	077267	Quản trị và phân tích dự án	3	M	M	M		M	M	P	M	P	M	9
21	077268	Luật kinh tế	3	P			M	M	M			M	P	6
22	077270	Báo cáo chuyên đề	9	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	10
23	077269	Đề án tốt nghiệp	9	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	10
Tổng				20	20	19	22	21	16	15	16	22	15	184

7. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần (mỗi môn tóm tắt 100 – 200 từ)

Triết học: 3 tín chỉ

Mô tả học phần: trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần (đã học ở đại học chưa, đã học gì, ở trình độ thạc sĩ sẽ học gì, vị trí của học phần này trong chương trình đào tạo), kiến thức sẽ trang bị cho học viên, quan hệ với các học phần khác trong chương trình đào tạo.

Mục tiêu học phần: nêu mục tiêu cần đạt được đối với người học sau khi học học phần đó về mặt lý thuyết, thực hành (cách thức xác định như chuẩn đầu ra).

Phương pháp luận nghiên cứu khoa học: 3 tín chỉ

Nội dung môn học chủ yếu tập trung phương pháp nghiên cứu hỗ trợ cho việc viết đề cương chi tiết và luận văn trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng, đặc biệt chú trọng vào quy trình thiết kế nghiên cứu cho cấu trúc bài viết nghiên cứu khoa học. Nội dung thứ nhất của môn học trình bày cấu trúc của một bài viết để khái quát hóa các nội dung cần thiết của một nghiên cứu học thuật. Nội dung thứ hai làm rõ một số từ khóa trong cấu trúc nghiên cứu. Nội dung thứ ba giới thiệu cách thức xây dựng một quy trình thiết kế nghiên cứu. Và nội dung cuối cùng vận dụng một số kỹ thuật nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng liên quan để phân tích một số bài tập tình huống và mô hình nghiên cứu mẫu. Ngoài ra, môn học sẽ sử dụng phần mềm SPSS, một phần mềm chuẩn để phân tích thống kê để ước lượng các tham số trong mô hình nghiên cứu định lượng.

Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính ngân hàng: 3 tín chỉ

Môn học những đề tài có liên quan đến môi trường làm việc trong các công ty, các thương hiệu, mua bán, giải quyết mâu thuẫn, giao tiếp nơi công sở. Mỗi bài có Case Study giúp sinh viên thảo luận nhóm, những tình huống thực tế trong kinh doanh. Từng đơn vị bài học, sinh viên có thể hiểu và biết được cách viết e-mail, CV, báo cáo, hợp đồng kinh doanh bằng tiếng Anh, cũng như cách phân tích tài chính của một Công ty.

Quản trị tài chính: 3 tín chỉ

Học phần Quản Trị tài chính doanh nghiệp nâng cao bao gồm các vấn đề lý luận liên quan đến hoạt động quản trị tài chính trong doanh nghiệp. Nội dung cơ bản của học phần này là các vấn đề cơ bản của tài chính doanh nghiệp, giá trị tiền tệ theo thời gian, phân tích báo cáo tài chính, hoạch định tài chính, dự toán tài chính; Phân tích và ra quyết

định đầu tư dài hạn.... Bên cạnh đó, môn học tích hợp giảng dạy các kỹ năng tư duy như phân biện, giải quyết vấn đề và kỹ năng mềm giao tiếp, làm việc nhóm.

Lý thuyết Tài chính tiền tệ nâng cao: 2 tín chỉ

Môn học tập trung trình bày những vấn đề chuyên sâu về lý thuyết Tài chính, chính sách Tiền tệ, và hoạt động ngân hàng, những vấn đề có tính nguyên tắc, những quy luật về tiền tệ, cũng như hoạt động điều hành ngân hàng.

Học viên cũng được trang bị kiến thức về cơ cấu của Ngân hàng trung ương và cách mà Ngân hàng trung ương quản lý cung tiền. Học phần cũng giúp người học nghiên cứu sâu về vấn đề lạm phát.

Quản trị ngân hàng hiện đại: 3 tín chỉ

Mô tả học phần: Học phần nhằm cung cấp kiến thức nâng cao về quản trị ngân hàng, giới thiệu chuẩn mực Basel trong quản trị kinh doanh ngân hàng nâng cao. Học phần chú trọng vào các nội dung quản trị tín dụng, tài sản và nợ, thanh khoản và rủi ro hoạt động theo chuẩn mực Basel. Học phần cũng cung cấp việc vận dụng chuẩn mực Basel trong quản trị kinh doanh ngân hàng tại Việt Nam.

Đầu tư tài chính: 3 tín chỉ

Môn học Đầu tư tài chính gồm 5 chương cung cấp những kiến thức về các lý thuyết đầu tư hiện đại, định giá và quản trị danh mục đầu tư cổ phiếu, trái phiếu và phân tích thị trường tài chính. Học viên được cung cấp kiến thức và công cụ đo lường đánh giá rủi ro đầu tư và các mô hình xác định tỷ suất sinh lời yêu cầu trên cơ sở đo lường định lượng rủi ro của khoản đầu tư; thực hành tổng hợp các kiến thức quản trị tài chính, nguyên lý thị trường tài chính để định giá cổ phiếu, trái phiếu và quyền chọn; kiến thức về đánh giá hiệu quả của danh mục đầu tư.

Các sản phẩm phái sinh: 2 tín chỉ

Học phần này giới thiệu những nội dung cơ bản về tài chính phái sinh, một số sản phẩm tài chính phái sinh cơ bản và thị trường tài chính phái sinh Việt Nam. Học phần nhấn mạnh việc nắm vững các nguyên lý tài chính, áp dụng các lý thuyết và mô hình tài chính vào thực tiễn thông qua các nghiên cứu tình huống phù hợp với bối cảnh Việt Nam.

Tài chính công nâng cao: 3 tín chỉ

Học phần này tập trung nghiên cứu vai trò và quy mô khu vực công, gồm cơ sở lý luận về sự can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế (thất bại thị trường và tái phân phối); các công cụ phân tích lý thuyết tài chính công; phân tích chính sách chi tiêu công, gồm các công cụ phân tích ngân sách, hàng hóa công, phân tích lợi ích và chi phí, lựa chọn công. Đồng thời nghiên cứu ngân sách của Nhà nước và cách thức tài trợ thâm hụt ngân sách.

Chính sách thuế: 3 tín chỉ

Môn học Chính sách thuế xem xét, phân tích và đánh giá tác động của chính sách thuế đối với hoạt động chung của nền kinh tế và hoạt động kinh doanh cụ thể tại doanh nghiệp. Ở bậc đào tạo cao học, môn Chính sách thuế nhằm hướng đến việc phát triển chính sách thuế tại một quốc gia với tư cách một công cụ tài chính của chính phủ trong điều chỉnh hoạt động kinh tế - xã hội của đất nước. Môn học Chính sách thuế không chỉ cần thiết cho những người làm chính sách mà cần cho cả những doanh nhân và các nhà quản trị doanh nghiệp.

Rủi ro tín dụng và chính sách cho vay: 2 tín chỉ

Môn học bao gồm 5 chương trình bày các kiến thức về rủi ro rủi ro lãi suất và rủi ro tín dụng, chính sách cho vay, phân tích tín dụng, xếp hạng tín dụng, quản trị rủi ro tín dụng và 4 chuyên đề nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng tư duy như phản biện, giải quyết vấn đề và kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả.

Tài chính định lượng: 3 tín chỉ

Nội dung môn học chủ yếu tập trung sử dụng phương pháp định lượng trong tài chính, suy luận và xác định các mô hình hồi quy tuyến tính trong lĩnh vực tài chính và thị trường tài chính; đặc biệt chú trọng vào lý thuyết kinh tế lượng, kinh tế lượng ứng dụng giải quyết các vấn đề tài chính thông qua việc giải thích các kết quả ước lượng. Nội dung thứ nhất của môn học trình bày tóm lược phương pháp thống kê trong tài chính và giới thiệu lý thuyết mẫu lớn. Nội dung thứ hai tập trung các vấn đề kỹ thuật của phương trình tuyến tính bao gồm mô hình không chuẩn, sai số đo lường và tham số nội sinh. Các chủ đề thường bao gồm các phương trình biến công cụ và dữ liệu bảng. Môn học sẽ sử dụng phần mềm STATA, một phần mềm chuẩn để phân tích thống kê và kinh tế lượng. Phần nội dung sau cùng của môn học trình bày các mô hình định giá tài sản vốn CAPM truyền thống và hiện đại trong lĩnh vực thị trường tài

chính và vận dụng trên phần mềm EXCEL, bao gồm các kỹ thuật khảo sát dữ liệu thị trường tài chính, ứng dụng mô hình CAPM trong việc phân tích tỷ suất sinh lời, danh mục đầu tư và rủi ro.

Mô hình tài chính: 3 tín chỉ

Nội dung môn học chủ yếu tập trung mô hình hóa ba hoạt động tài chủ yếu của doanh nghiệp: đầu tư, sản xuất kinh doanh và nguồn tài trợ để giải thích sự vận hành của doanh nghiệp theo một cơ chế tài chính hiện tại và xác định giá trị thị trường của tài sản vốn. Các kỹ thuật và công cụ được sử dụng kế thừa từ nền tảng lý thuyết đầu tư, trong đó hai định đề quan trọng là chi phí vốn và đòn bẩy tài chính cần được thiết lập dựa trên sự cân bằng cấu trúc vốn để làm rõ các quan điểm của các bên tham gia góp vốn để hình thành tài sản đầu tư hoặc một kênh đầu tư tài chính, do đó các nội dung thực hiện cần sự trợ giúp của phần mềm EXCEL để phân tích hiệu quả tài sản vốn.

Tài chính quốc tế: 3 tín chỉ

Môn học Tài chính quốc tế cung cấp các kiến thức về môi trường tài chính quốc tế, tác động của Chính phủ đến tỷ giá; ngang giá lãi suất; mối quan hệ lãi suất - lạm phát - tỷ giá; dự báo tỷ giá; biến động tỷ giá và các biện pháp phòng ngừa; đầu tư trực tiếp nước ngoài; ngân sách vốn công ty đa quốc gia; phân tích rủi ro ở một quốc gia; cấu trúc vốn và chi phí sử dụng vốn của công ty đa quốc gia; tài trợ dài hạn và ngắn hạn ở công ty đa quốc gia; quản trị tiền mặt của công ty đa quốc gia.

Tài chính vi mô: 3 tín chỉ

Môn học cung cấp cho người học các kiến thức chuyên sâu về TCVM như thị trường TCVM, khách hàng mục tiêu của TCVM, các sản phẩm dịch vụ và nhà cung cấp TCVM, các thông lệ tốt nhất về quản trị TCVM, chính sách và phát triển bền vững TCVM. Bên cạnh đó, học viên cũng được cung cấp các công cụ đo lường và đánh giá rủi ro, hiệu quả của hoạt động TCVM.

Ngoài học phần lý thuyết, môn học cũng được thiết kế với các chủ đề thảo luận phong phú nhằm tạo điều kiện cho học viên nghiên cứu sâu hơn về lĩnh vực TCVM, cũng như trang bị cho học viên năng lực nghiên cứu khoa học, trao đổi khả năng tự học suốt đời.

Tài chính hành vi: 3 tín chỉ

Học phần tài chính hành vi sẽ cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên sâu về tài chính hành vi trong các quyết định tài chính. Qua đó có thể giải thích các bất thường trên thị trường tài chính, giải thích được ảnh hưởng của sự quá tự tin trong các quyết định tài chính, tài chính hành vi trong quản trị doanh nghiệp.

Phân tích tài chính doanh nghiệp nâng cao: 3 tín chỉ

Môn học bao gồm lý thuyết phân tích các chỉ tiêu tài chính doanh nghiệp bao gồm tình hình huy động vốn, sử dụng nguồn vốn, tình hình tài trợ và đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh, khả năng thanh toán... và bài tập lớn nhằm ôn tập tổng hợp lại kiến thức tài chính đã học và vận dụng vào lập dự toán tài chính có tính ứng dụng trong việc quản trị tài chính doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, môn học tích hợp giảng dạy các kỹ năng tư duy như phân biện, kỹ năng tin học vào giải quyết vấn đề và kỹ năng mềm giao tiếp, làm việc nhóm.

Công nghệ tài chính: 3 tín chỉ

Học phần khái quát về nền tảng và hiện tượng các nền tảng công nghệ tài chính đứng sau các mô hình kinh doanh. Với sự bùng nổ về công nghệ, học phần sẽ giúp người học hiểu và ứng dụng được các mô hình nền tảng platform, từ đó phát triển, triển khai và quản lý các giải pháp và dịch vụ ngân hàng.

Học phần cung cấp cho học viên một góc nhìn toàn diện về lĩnh vực Công nghệ tài chính – FinTech bằng cách đặt ra bối cảnh và giải thích ý nghĩa thực sự của khái niệm FinTech.

Quản trị rủi ro và hiệp ước Basel: 3 tín chỉ

Môn học bao gồm 4 chương trình bày các kiến thức về quản trị NHTM, quản trị rủi ro trong kinh doanh ngân hàng, hiệp ước Basel II, ôn tập các kiến thức đã học và 3 chuyên đề nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng tư duy như phân biện, giải quyết vấn đề và kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả.

Quản trị và phân tích dự án: 3 tín chỉ

Môn học trang bị các kỹ năng cần có cho một nhà quản lý dự án, cách thức quản lý nguồn lực để quản lý dự án; học viên được cung cấp những phương thức, công cụ hữu hiệu để đối phó với các rủi ro trong quá trình thực hiện dự án.

Luật kinh tế: 3 tín chỉ

Môn học bao gồm 5 chương trình bày các kiến thức tổng quan về luật kinh tế, đàm phán và ký kết các hợp đồng mua bán hàng hóa, nhận diện rủi ro trong việc ký kết và thực hiện các hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh và rèn luyện cho học viên kỹ năng nghiên cứu, phân tích pháp luật; kỹ năng soạn thảo hợp đồng, các kỹ năng pháp luật liên quan đến quản lý, điều hành công ty và giải quyết tranh chấp kinh doanh phục vụ nhu cầu của doanh nghiệp.

IV. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐÃ THAM KHẢO

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành TCNH của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành TCNH của Trường ĐH MONASH	CTĐT ngành tài chính của Trường ĐH VICTORIA	CTĐT ngành tài chính của Trường ĐH Kinh tế Tp.HCM	CTĐT ngành TCNH của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	60 tín chỉ	96 tín chỉ	192 tín chỉ	60 tín chỉ	64 tín chỉ	
Cấu trúc chương trình: (số lượng môn/tín chỉ)	22 môn/60 tín chỉ	16 môn/96 tín chỉ	13 môn /192 tín chỉ	15 môn/ 60 tín chỉ	18 - 20 môn/64 tín chỉ	Tổng số tín chỉ của các trường trong nước luôn ít hơn các trường quốc tế uy tín
- Học phần chung	03 môn / 09 tín chỉ: • Triết học (Philosophy) • Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính (English for Finance) • Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (Research	Không	Không	03 môn /10 tín chỉ • Triết học • Tiếng Anh • Phương pháp nghiên cứu khoa học	02 môn / 08 tín chỉ: • Triết học • Tiếng anh cơ bản	Các trường trong nước luôn có môn triết học và môn tiếng Anh.

	methodolog)					
- Học phần cơ sở	Cơ sở ngành và chuyên ngành : 17 môn / 33 tín chỉ <u>Bắt buộc: 8 môn/ 21 tín chỉ</u> • Lý thuyết tài chính tiền tệ nâng cao (Advanced Theory of Monetary Finance) • Quản trị tài chính (Financial Management)	4 môn / 24 tín chỉ • Accounting for business • Financial management theory • Economics • Business statistics	06 môn/ 72 tín chỉ • Accounting for Management • Business Economics • Marketing Management • Work and Organisation Systems • Business Finance • Business Research Methods	Cơ sở ngành và chuyên ngành : 14 môn / 36 tín chỉ <u>Bắt buộc :06 môn/ 18 tín chỉ</u> • Lý thuyết tài chính • Tài chính doanh nghiệp • Tài chính quốc tế • Sản phẩm tài chính phái sinh • Quản trị rủi ro tài chính • Đầu tư tài chính <u>Tự chọn nhóm 1 (chọn 6 trong 9: 6 x 2 = 12 tín chỉ):</u> • Phân tích tài chính	Cơ sở ngành và chuyên ngành : 16-18 môn / 47 tín chỉ <u>Bắt buộc :09 môn/ 26 tín chỉ</u> • Tiền tệ ngân hàng và thị trường tài chính: lý thuyết và thực tiễn. • Quản trị NH thương mại nâng cao. • Ngân hàng quốc tế nâng cao. • Tài chính cá nhân. • Phân tích đầu tư và quản trị danh mục đầu tư. • Tài chính doanh nghiệp	- ngành TCNH trường ĐH Nguyễn Tất Thành đã tập trung mô hình tài chính ứng dụng trong quản lý (bao gồm các môn: PP NC, Tài chính định lượng và mô hình tài chính, rủi ro tài chính, đầu tư tài chính v.v) đã từng bước bắt kịp xu thế vận dụng mô hình tài chính trong quản trị rủi ro và quản lý hệ thống của các
- Học phần chuyên ngành	• Đầu tư tài chính (Financial Investment) • Tài chính phái sinh (Derivatives Finance) • Rủi ro tín dụng và chính sách cho vay (Credit risk and loan policy)	8 môn/48 tín chỉ: • Case studies in banking and finance • Institutional asset and liability management • Bank lending • Options, futures and risk	7 môn /84 tín chỉ: • Financial Analysis • Credit and Lending Management • Financial Derivative Markets • Treasury Risk Management			

• Tài chính công nâng cao (Advanced public finance) • Chính sách Thuế (Tax policy) • Ngân hàng thương mại hiện đại (Modern commercial banking) <u>Tư chọn (chọn 4 trong 9: 4 x 3 = 12 tín chỉ):</u> • Tài chính định lượng (Quantitative finance) • Mô hình tài chính (Financial Modeling) • Tài chính quốc tế (International financial) • Tài chính vi mô (Micro Finance) • Tài chính hành vi (Behavioral	- management • International banking • Financial institutions and markets • Portfolio management and theory • Financial modelling	• International Financial Management • International Portfolio Management • Business Ethics and Sustainability	• Định giá doanh nghiệp • Tài chính hành vi • Thị trường tài chính quốc tế • Đầu tư và tài trợ bất động sản • Tài chính công ty đa quốc gia • Mua bán, sáp nhập và thoái vốn • Quản trị danh mục đầu tư • Tài chính định lượng. <u>Tư chọn nhóm 2 (chọn 2 trong 4: 2 x 3 = 6 tín chỉ):</u> • Điều hành công ty cổ	- nâng cao. • Tài chính công nâng cao • Thiết kế nghiên cứu luận văn. • Thực tập thực tế <u>Tư chọn: 7 - 9 môn/ 21 tín chỉ.</u> • Quản trị tài chính ngắn hạn. • Phân tích đầu tư bất động sản. • Phân tích tài chính nâng cao. • Quản trị rủi ro trong các tổ chức tài chính. • Tài chính phát triển. • Tài chính doanh	trường quốc tế có uy tín. Chương trình ĐH Nguyễn Tất Thành cũng chú trọng vào xu hướng Công nghệ 4.0 khi trang bị học phần Công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng. Trường cũng Trang bị học phần quản trị dự án để tăng thêm tính lựa chọn giúp học viên có nhu cầu khởi nghiệp được trang bị tốt hơn.
--	---	--	--	--	---

	Finance) • Công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng (Fintech in banking) • Quản trị rủi ro và hiệp ước Basel (Risk management and Basel Accord) • Luật kinh tế (Economic Law) • Quản trị và phân tích dự án (Management and project analysis)			phần đại chúng • Chứng khoán có thu nhập cố định • Công nghệ tài chính • Law and Financial Regulation	ngành quốc tế. • Thuế quốc tế. • Giám sát hệ thống tài chính. • Các công cụ có thu nhập cố định. • Các công cụ phái sinh. • Tài chính sáp nhập và mua lại nâng cao. • Kế toán quản trị nâng cao • Kế toán tài chính nâng cao. • Ngân hàng điện tử. • Dịch vụ ngân hàng ưu tiên. • Quản trị	
--	---	--	--	--	--	--

					chiến lược nâng cao. • Kinh tế học quản lý	
- Học phần tốt nghiệp	Trải nghiệm thực tế: 9 tín chỉ Đề án tốt nghiệp 9 tín chỉ	Nghiên cứu ứng dụng: tự chọn 4 môn/24 tín chỉ: Financial statement analysis and business valuation Introduction to financial accounting Management accounting Climate change and carbon management strategies Financial planning Credit risk modelling Case studies in risk management Global financial markets Funds management Mergers and	36 tín chỉ: Business Research Proposal (12 tín chỉ). <u>Plan A: 24 tín chỉ</u> - 1 môn Tự chọn (12 chỉ) - Business Research Project (12 chỉ) <u>Plan B: 24 tín chỉ</u> Business Research Thesis (24 tín chỉ)	Luận văn: 14 tín chỉ	Luận văn : 15 tín chỉ	Đa phần các chương trình đều đi theo hướng nghiên cứu. Trường ĐH Nguyễn Tất Thành và Monash của Úc đi theo hướng nghiên cứu ứng dụng. ĐH Nguyễn Tất Thành có sự khác biệt thấy rõ nhất là có học phần Trải nghiệm thực tế, phù hợp với đặc thù ứng dụng thực hành theo tầm nhìn sứ mệnh của

		acquisitions Introduction to risk management Risk financing and treasury management Treasury and financial markets International study program in banking and finance				Trường và Khoa.
Phương pháp giảng dạy/học tập	Lý thuyết, đồ án nghiên cứu/bài tiểu luận ứng dụng môn học (project) và Trải nghiệm thực tế, làm đề án tốt nghiệp	Lý thuyết, thực hành, và đồ án nghiên cứu ứng dụng (project)	Lý thuyết, thực hành, đồ án nghiên cứu ứng dụng (project) và khoá luận	Lý thuyết, thực hành, và khoá luận	Lý thuyết, thực hành, và khoá luận	
Học phí	70 – 75 tr/khoá	Khoảng \$45 000/năm (2 năm toàn thời gian hoặc quy đổi)	Khoảng \$44,700 - \$46,080/năm (2 năm toàn thời gian hoặc quy đổi)	Khoảng 60 triệu/khoá	14-29.4 tr/năm (khóa học 02 năm)	
Các đối sánh khác (nếu có)						

V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Hình thức tổ chức giảng dạy

Khoa Tài chính Kế toán tổ chức giảng dạy cho học viên cao học ngành Tài chính Ngân hàng theo phương pháp chủ động, lấy người học làm trung tâm, hết lòng giảng dạy học viên và truyền đạt cho học viên tất cả các kiến thức, kỹ năng, thái độ trong từng học phần.

Giảng viên Khoa Tài chính Kế toán cũng rèn luyện cho học viên cao học có khả năng nghiên cứu, có tinh thần học suốt đời và sáng tạo, học viên tiếp tục rèn luyện khả năng làm việc nhóm, thảo luận và hợp tác lẫn nhau trong học tập và nghiên cứu, nâng cao kỹ năng thuyết trình và thuyết phục người khác và rèn luyện tư duy phản biện.

2. Hình thức kiểm tra, đánh giá

Đối với từng học phần, học viên có 3 cột điểm để đánh giá :

+ Điểm thường xuyên (chiếm 20% tổng số điểm của học phần)

Giảng viên có thể cho học viên làm tiểu luận hoặc thuyết trình đề tài theo nhóm hoặc làm bài tập trên lớp (hoặc trên máy đối với học phần thực hành) tùy theo học phần và tùy theo cách đánh giá của giảng viên.

+ Điểm giữa kỳ (chiếm 20% tổng số điểm của học phần)

Giảng viên có thể cho học viên làm bài kiểm tra viết tại lớp (hoặc trên máy đối với học phần thực hành) hoặc thuyết trình đề tài theo nhóm tùy theo từng môn học và tùy theo cách đánh giá của giảng viên.

+ Điểm cuối kỳ (chiếm 60% tổng số điểm của học phần)

Giảng viên cho học viên làm bài thi viết tự luận hoặc trắc nghiệm trên lớp (hoặc trên máy đối với học phần thực hành), hoặc làm một bài tiểu luận cá nhân theo lịch do Khoa và viện Sau đại học quy định

3. Mô tả thêm các hướng dẫn khác do các đơn vị đào tạo, ngành đào tạo yêu cầu.

Sinh viên đạt đủ các điều kiện theo quy định về số lượng tín chỉ và điểm trung bình toàn khóa sẽ được làm báo cáo khóa luận tốt nghiệp và bảo vệ khóa luận tốt nghiệp.

4. Yêu cầu về Cơ sở vật chất

Phòng học được trang bị máy lạnh, máy chiếu, wifi, bảng, viết/phấn viết bảng, bàn ghế.

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)



TS. Trần Ái Cẩm

TRƯỞNG KHOA

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

TS. THÁI HỒNG THỤY KHÁNH